

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2023/QĐST-HNGĐ

Mỏ Cày Bắc, ngày 17 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 334/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa:

1/ *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Kim L** - Sinh năm: 1981, địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên lạc: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ *Bị đơn*: Anh **Phùng Văn T** - Sinh năm: 1980; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim L với anh Phùng Văn T.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Phùng Văn T thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.2) *Về con chung*: Người con chung giữa chị L với anh T là Phùng Vĩnh K - Sinh ngày 29/4/2001 đã thành niên, có khả năng lao động, chị L, anh T không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

2.3) *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Phùng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4) *Về nợ*: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Phùng Văn T trình bày là không có nên không xem xét, giải quyết.

2.5) *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Kim L tự nguyện nhận chịu 150.000VNĐ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị L đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000686 ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; hoàn trả lại cho chị L số tiền chênh lệch là 150.000VNĐ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B;
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên